

Số: 3681 /TTr-UBND

Quảng Nam, ngày 06 tháng 7 năm 2020

### **TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết bổ sung danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020 của các huyện, thị xã, thành phố: Duy Xuyên, Nam Trà My, Quế Sơn, Phước Sơn, Điện Bàn, Thăng Bình, Tiên Phước, Hội An, Hiệp Đức, Tây Giang, Núi Thành, Đại Lộc, Phú Ninh, Đông Giang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX

Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 58, Luật Đất đai năm 2013 về điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải có Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa; dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; căn cứ thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai năm 2013 về thực hiện các dự án do HĐND cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội.

Sau khi xem xét đề nghị của UBND các huyện, thị xã, thành phố: Duy Xuyên, Nam Trà My, Quế Sơn, Phước Sơn, Điện Bàn, Thăng Bình, Tiên Phước, Hội An, Hiệp Đức, Tây Giang, Núi Thành, Đại Lộc, Phú Ninh, Đông Giang và thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường về danh mục chuyển mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh khóa IX thống nhất ban hành Nghị quyết về danh mục dự án thu hồi đất, danh mục chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố: Duy Xuyên, Nam Trà My, Quế Sơn, Phước Sơn, Điện Bàn, Thăng Bình, Tiên Phước, Hội An, Hiệp Đức, Tây Giang, Núi Thành, Đại Lộc, Phú Ninh, Đông Giang, với nội dung như sau:

#### **1. Danh mục dự án thu hồi đất bổ sung năm 2020.**

- Tổng số danh mục thu hồi đất bổ sung năm 2020 là: 80 danh mục (sử dụng vốn ngân sách 45 danh mục; sử dụng vốn ngoài ngân sách 35 danh mục).

- Tổng diện tích đề nghị thu hồi là 603,82 ha (trong đó: đất chuyên trồng lúa nước 40,67 ha; đất trồng lúa nước còn lại 5,71 ha; đất rừng phòng hộ 5,43 ha).

Đơn vị tính: ha

TT	Bổ sung danh mục dự án thu hồi đất năm 2020	Số lượng danh mục	Diện tích dự án	Sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ				
				Tổng	Trong đó:			
				LUC	LUK	RPH	PDD	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>80</b>	<b>603.82</b>	<b>51.81</b>	<b>40.67</b>	<b>5.71</b>	<b>5.43</b>	<b>-</b>
*	<i>Vốn ngân sách</i>	<i>45</i>	<i>119.09</i>	<i>10.46</i>	<i>6.36</i>	<i>4.10</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
*	<i>Vốn ngoài ngân sách</i>	<i>35</i>	<i>484.72</i>	<i>41.34</i>	<i>34.30</i>	<i>1.61</i>	<i>5.43</i>	<i>-</i>
<b>I</b>	<b>HUYỆN DUY XUYÊN</b>	<b>2</b>	<b>0.78</b>	<b>0.68</b>	<b>0.68</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
*	Vốn ngân sách	2	0.78	0.68	0.68	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>HUYỆN NAM TRÀ MY</b>	<b>16</b>	<b>112.40</b>	<b>12.10</b>	<b>1.36</b>	<b>5.31</b>	<b>5.43</b>	<b>-</b>
*	Vốn trong ngân sách	15	89.28	4.16	0.16	4.00	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	23.12	7.94	1.20	1.31	5.43	-
<b>III</b>	<b>HUYỆN QUẾ SƠN</b>	<b>1</b>	<b>1.62</b>	<b>1.62</b>	<b>1.62</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
*	Vốn ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	1.62	1.62	1.62	-	-	-
<b>IV</b>	<b>HUYỆN PHƯỚC SƠN</b>	<b>7</b>	<b>28.40</b>	<b>0.20</b>	<b>0.10</b>	<b>0.10</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
*	Vốn ngân sách	4	2.90	0.20	0.10	0.10	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	3	25.50	-	-	-	-	-
<b>V</b>	<b>THỊ XÃ ĐIỆN BÀN</b>	<b>35</b>	<b>432.35</b>	<b>33.54</b>	<b>33.54</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
*	Vốn ngân sách	8	4.67	3.06	3.06	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	27	427.68	30.48	30.48	-	-	-
<b>VI</b>	<b>HUYỆN THẮNG BÌNH</b>	<b>1</b>	<b>3.50</b>	<b>1.00</b>	<b>1.00</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
*	Vốn ngân sách	1	3.50	1.00	1.00	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
<b>VII</b>	<b>HUYỆN TIÊN PHƯỚC</b>	<b>1</b>	<b>1.00</b>	<b>0.95</b>	<b>0.65</b>	<b>0.30</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
*	Vốn ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	1.00	0.95	0.65	0.30	-	-
<b>VIII</b>	<b>HUYỆN HIỆP ĐỨC</b>	<b>6</b>	<b>3.31</b>	<b>1.26</b>	<b>1.26</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
*	Vốn trong ngân sách	5	1.31	0.91	0.91	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	2.00	0.35	0.35	-	-	-
<b>XIX</b>	<b>HUYỆN TÂY GIANG</b>	<b>2</b>	<b>5.07</b>	<b>0.25</b>	<b>0.25</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
*	Vốn ngân sách	2	5.07	0.25	0.25	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
<b>X</b>	<b>HUYỆN ĐẠI LỘC</b>	<b>1</b>	<b>3.80</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
*	Vốn trong ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	3.80	-	-	-	-	-
<b>XI</b>	<b>HUYỆN PHÚ NINH</b>	<b>1</b>	<b>0.05</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
*	Vốn ngân sách	1	0.05	-	-	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
<b>XII</b>	<b>HUYỆN ĐÔNG GIANG</b>	<b>7</b>	<b>11.53</b>	<b>0.20</b>	<b>0.20</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
*	Vốn ngân sách	7	11.53	0.20	0.20	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

## 2. Bổ sung danh mục chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020:

- Tổng số danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước, đất rừng phòng hộ năm 2020 là: 46 danh mục (sử dụng vốn ngân sách: 23 danh mục; sử dụng vốn ngoài ngân sách: 23 danh mục);

- Tổng diện tích đất chuyển mục đích sử dụng là: 382,63 ha (trong đó: đất chuyên trồng lúa nước: 58,93 ha; đất trồng lúa nước còn lại: 5,71 ha; đất rừng phòng hộ: 10,63 ha).

Đơn vị tính: ha

TT	Bổ sung danh mục dự án thu hồi đất năm 2020	Số lượng danh mục	Diện tích dự án	Sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ				
				Tổng	Trong đó:			
					LUC	LUK	RPH	RDD
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46</b>	<b>382.83</b>	<b>70.07</b>	<b>58.93</b>	<b>5.71</b>	<b>10.63</b>	-
*	Vốn ngân sách	23	56.29	10.88	6.78	4.10	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	23	326.53	59.18	52.14	1.61	10.63	-
<b>I</b>	<b>HUYỆN DUY XUYÊN</b>	<b>2</b>	<b>0.78</b>	<b>0.68</b>	<b>0.68</b>	-	-	-
*	Vốn ngân sách	2	0.78	0.68	0.68	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>HUYỆN NAM TRÀ MY</b>	<b>5</b>	<b>62.15</b>	<b>12.10</b>	<b>1.36</b>	<b>5.31</b>	<b>5.43</b>	-
*	Vốn trong ngân sách	4	39.03	4.16	0.16	4.00	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	23.12	7.94	1.20	1.31	5.43	-
<b>III</b>	<b>HUYỆN QUẾ SƠN</b>	<b>3</b>	<b>3.94</b>	<b>3.62</b>	<b>3.62</b>	-	-	-
*	Vốn ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	3	3.94	3.62	3.62	-	-	-
<b>IV</b>	<b>HUYỆN PHƯỚC SƠN</b>	<b>2</b>	<b>1.00</b>	<b>0.20</b>	<b>0.10</b>	<b>0.10</b>	-	-
*	Vốn ngân sách	1	1.00	0.20	0.10	0.10	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	5.20	-	-	-	5.20	-
<b>V</b>	<b>THỊ XÃ ĐIỆN BÀN</b>	<b>22</b>	<b>239.20</b>	<b>38.45</b>	<b>38.45</b>	-	-	-
*	Vốn ngân sách	8	5.43	3.48	3.48	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	14	233.77	34.97	34.97	-	-	-
<b>VI</b>	<b>HUYỆN THẮNG BÌNH</b>	<b>1</b>	<b>3.50</b>	<b>1.00</b>	<b>1.00</b>	-	-	-
*	Vốn ngân sách nhà nước	1	3.50	1.00	1.00	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
<b>VII</b>	<b>HUYỆN TIÊN PHƯỚC</b>	<b>1</b>	<b>1.00</b>	<b>0.95</b>	<b>0.65</b>	<b>0.30</b>	-	-
*	Vốn ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	1.00	0.95	0.65	0.30	-	-
<b>VIII</b>	<b>THÀNH PHỐ HỘI AN</b>	<b>1</b>	<b>43.00</b>	<b>7.30</b>	<b>7.30</b>	-	-	-
*	Vốn ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	43.00	7.30	7.30	-	-	-
<b>XIX</b>	<b>HUYỆN HIỆP ĐỨC</b>	<b>6</b>	<b>7.31</b>	<b>1.96</b>	<b>1.96</b>	-	-	-
*	Vốn trong ngân sách	5	1.31	0.91	0.91	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	2.00	0.35	0.35	-	-	-
<b>X</b>	<b>HUYỆN TÂY GIANG</b>	<b>1</b>	<b>5.04</b>	<b>0.25</b>	<b>0.25</b>	-	-	-
*	Vốn ngân sách	1	5.04	0.25	0.25	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-

<b>XI</b>	<b>HUYỆN NÚI THÀNH</b>	<b>1</b>	<b>14.50</b>	<b>4.05</b>	<b>4.05</b>	-	-	-
*	Vốn ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	14.50	4.05	4.05	-	-	-
<b>XII</b>	<b>HUYỆN ĐÔNG GIANG</b>	<b>1</b>	<b>0.20</b>	<b>0.20</b>	<b>0.20</b>	-	-	-
*	Vốn ngân sách nhà nước	1	0.20	0.20	0.20	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-

*(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm)*

Riêng đối với 03 danh mục công trình trên địa bàn huyện Quế Sơn, gồm: Khu dân cư Hương Quế Đông, tại xã Quế Phú; Nhà máy May mặc xuất khẩu, tại xã Quế Thuận; Cửa hàng xăng dầu Sơn Lộc, tại xã Quế Châu là các dự án có sử dụng đất trồng lúa nước dọc Huyện lộ, Tỉnh lộ, Quốc lộ thuộc trường hợp theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh về một số nhiệm vụ, giải pháp trong công tác lập, tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh. Theo nội dung giải trình của UBND huyện Quế Sơn tại Báo cáo số 266/BC-UBND ngày 16/6/2020, như sau:

(1) Khu dân cư Hương Quế Đông, xã Quế Phú:

- Sự phù hợp của dự án:

+ Khu dân cư Hương Quế Đông, xã Quế Phú, huyện Quế Sơn được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Công văn số 2233/UBND-KTN ngày 22/4/2020, phù hợp quy hoạch vùng Đông tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 28/01/2011 của UBND tỉnh) và quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Quế Sơn.

- Sự cần thiết đầu tư dự án:

Việc đầu tư xây dựng khu dân cư Hương Quế Đông và khai thác đưa vào sử dụng nhằm mục đích giải quyết nhu cầu về sử dụng đất ở của nhân dân địa phương; sẽ tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương và nhằm tạo bộ mặt, diện mạo mới cho địa phương, xã nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2024.

(2) Nhà máy May mặc xuất khẩu, tại xã Quế Thuận:

- Sự phù hợp của Dự án:

+ Khu vực đầu tư dự án Nhà máy May mặc xuất khẩu phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã (theo quy hoạch nông thôn mới); Dự án đã được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư (tại Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND tỉnh);

+ Loại hình dự án Nhà máy May mặc xuất khẩu thuộc loại hình sản xuất sạch và cần nhiều lao động, do đó việc đầu tư xây dựng nhà máy may tại xã Quế Thuận là phù hợp nhằm thu hút, giải quyết lao động tại địa phương và phù hợp với xu thế phát triển ngành may mặc hiện nay;

+ Vị trí đầu tư dự án Nhà máy May mặc hết sức thuận lợi về mặt giao thông (do nằm tiếp giáp với đường ĐT 611); có lực lượng lao động dồi dào.

- Tính cấp thiết của dự án:

Việc đầu tư xây dựng Nhà máy May mặc xuất khẩu tại xã Quế Thuận nhằm mục đích giải quyết lao động, tạo việc làm ổn định cho người dân khu vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại phương (*xã Quế Thuận là xã thuần nông, phần lớn diện tích đất không chủ động nước tưới, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn*);

(3) Cửa hàng xăng dầu Sơn Lộc, tại xã Quế Châu:

- Sự phù hợp của dự án:

+ Khu vực đầu tư xây dựng Cửa hàng xăng dầu Sơn Lộc phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (*theo quy hoạch nông thôn mới*) và phù hợp với mạng lưới kinh doanh, buôn bán xăng dầu theo quy định; cửa hàng xăng dầu đã được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư (*tại Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh*);

+ Về sử dụng đất: Cửa hàng xăng dầu Sơn Lộc, có diện tích 0,2 ha; loại đất: đất lúa. Tuy nhiên, khu vực xây dựng cửa hàng xăng dầu thuộc khu vực đất cải tạo (*cải tạo từ khu dân cư Vườn Dừa*), nên năng suất thấp (*do chất đất không phù hợp để trồng lúa*); khu vực nằm tại điểm cuối tuyến kênh (*thuộc tuyến kênh Hố Giang*) nên thường xảy ra tình trạng thiếu, hụt nước tưới.

- Tính cấp thiết của dự án:

+ Việc xây dựng Cửa hàng xăng dầu tại thôn Cang Đông, xã Quế Châu có vai trò hết sức quan trọng trong việc cung ứng nguồn nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất, lưu thông của người dân khu vực, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội tại địa phương;

+ Hiện nay, trên địa bàn xã không có cửa hàng kinh doanh xăng dầu nên việc đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu là cấp thiết trong giai đoạn hiện nay;

+ Được sự đồng thuận của cử tri và người dân khu vực.

### **3. Nhận xét, kiến nghị.**

Tất cả các danh mục dự án trình HĐND tỉnh khóa IX thuộc trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 58 và khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai năm 2013; các danh mục đã có ý kiến thống nhất của HĐND cấp huyện hoặc Thường trực HĐND cấp huyện theo quy định tại Điểm f, khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh; đầy đủ thông tin theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 67, Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của các ngành.

- Việc chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước chỉ ưu tiên cho mục đích công cộng, lợi ích quốc gia; hạn chế tối đa chuyển đất chuyên trồng lúa nước cho mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ, khai thác quỹ đất dọc theo các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ, Huyện lộ;

- Trường hợp những danh mục dự án chưa đủ thông tin qua rà soát loại khỏi đợt này đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục hoàn thiện, trình HĐND tỉnh tại các kỳ họp tiếp theo.

Kính trình HĐND tỉnh khóa IX xem xét ban hành Nghị quyết về thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2020 của các huyện, thị xã, thành phố: Duy Xuyên, Nam Trà My, Quế Sơn, Phước Sơn, Điện Bàn, Thăng Bình, Tiên Phước, Hội An, Hiệp Đức, Tây Giang, Núi Thành, Đại Lộc, Phú Ninh, Đông Giang để UBND tỉnh triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật./.

*\* Hồ sơ kèm theo:*

- Các Tờ trình số: 428/TTr-STNMT ngày 24/6/2020, số 444/TTr-STNMT ngày 01/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Báo cáo số 431/BC-STNMT ngày 03/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về bổ sung danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ TN & MT (B/c);
- TTTU (B/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục QLĐĐ;
- Sở TN&MT;
- CPVP;
- UBND các huyện, TX, TP có tên tại TTr;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

F:\Dropbox\Năm 2020\Tờ trình\06 25 BS DM dat.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Quang Bửu**